TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **40**/2025/QĐST-HNGĐ	*Tp.Tuyên Quang, ngày 06 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Hồng L**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số nhà 247, tổ dân phố 01, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số nhà 247, tổ dân phố 01, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Hồng L và anh Nguyễn Xuân T.

(Chị Bùi Hồng L và anh Nguyễn Xuân T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01 do UBND phường H cấp ngày 13/5/2014)

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Bùi Hồng L và anh Nguyễn Xuân T có hai con chung là Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 27/10/2014 và Nguyễn Đức K, sinh ngày 01/11/2020; Giao hai con chung là Nguyễn Ngọc B và Nguyễn Đức K cho chị Bùi Hồng L trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Anh Nguyễn Xuân T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bùi Hồng L với mức 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*)/tháng. Trong đó, đối với Nguyễn Ngọc B là 2.500.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm nghìn đồng*)/tháng, đối với Nguyễn Đức K là 2.500.000 đồng *(Hai triệu, năm trăm nghìn đồng*)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2025 đến con chung là Nguyễn Ngọc B và Nguyễn Đức K đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng. Anh Nguyễn Xuân T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

"Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án".

- Về tài sản chung: Chị Bùi Hồng L và anh Nguyễn Xuân T xác định không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Bùi Hồng L và anh Nguyễn Xuân T xác định không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Hồng L tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền là 150.000 đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí trên hệ thống thông tin điện tử số 000002982273 ngày 18 tháng 02 năm 2025, mã thông báo WLNDCLC8FC trên hệ thống thông tin điện tử ký bởi Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam (biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 06 ngày 19 tháng 2 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, chị Bùi Hồng L được trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Nguyễn Xuân T phải chịu 150.000 đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố T;
- THADS thành phố T;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Vương Thị Lan